CTCP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt (HNX: UNI)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	10,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	9.9%	**7.5%**	**25.0%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,200 - 13,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	156
Số lượng CPLH (CP)	15,617,632
KLGD BQ 20 phiên (CP)	53,505
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.23
EPS	33
P/E	298.7

Tỷ suất lợi nhuận

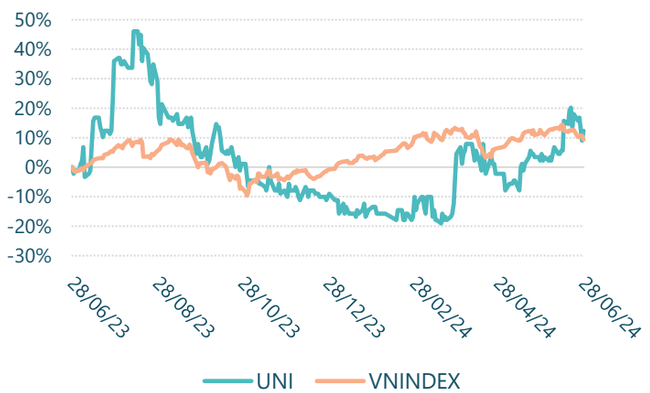

Doanh thu thuần

Q2/24

0.33

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.37 | -52.9%

Nợ/VCSH

Q2/24

203%

YoY: +/-▲ 0.0%

LN gộp

Q2/24

0.33

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.31 | -48.4%

ROE (TTM)

Q2/24

0.3%

YoY: +/-▼ 0.0%

LN trước thuế

Q2/24

0.19

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.02 | 9.0%

YoY: ▼0.06 | -25.9%

ROA (TTM)

Q2/24

0.1%

YoY: +/-▼ 0.0%

Kết quả kinh doanh Q2/24

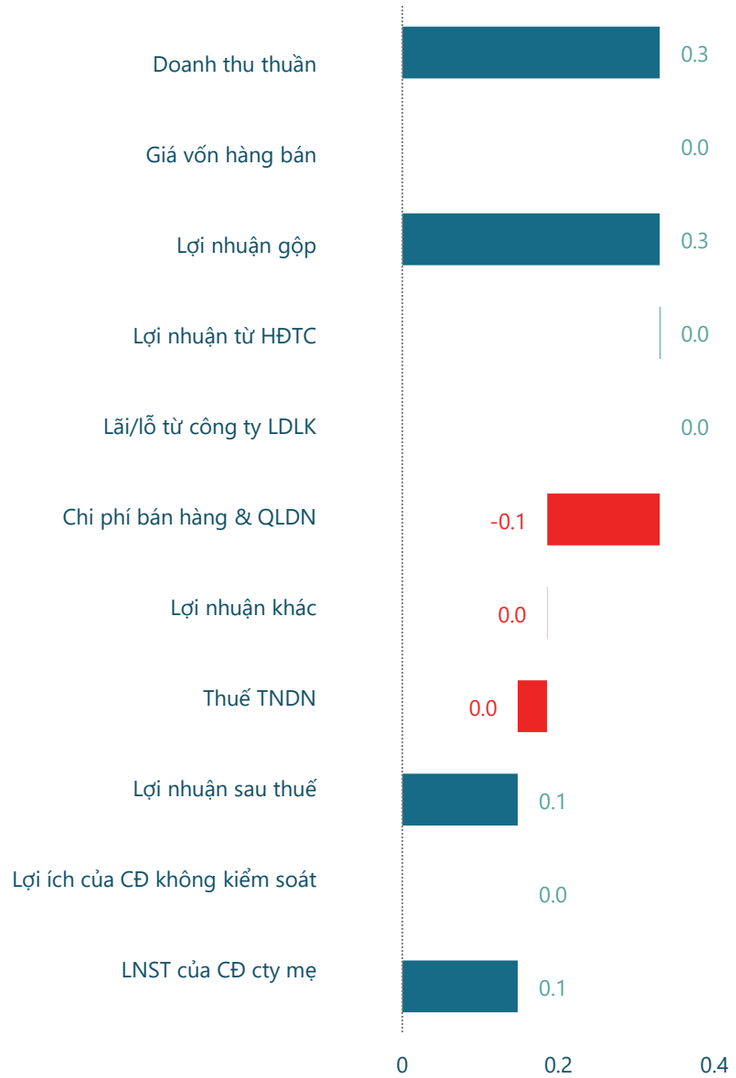

CTCP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt (HNX: UNI)

FireAnt

Kết quả kinh doanh

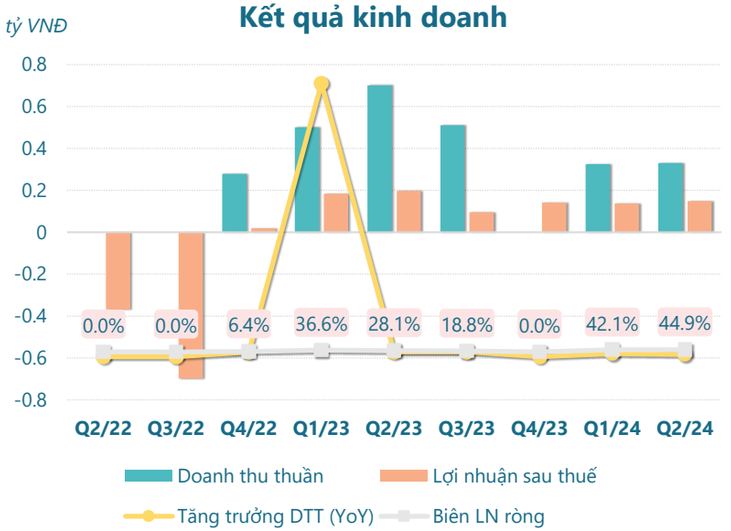

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.19 tỷ đồng**, tăng thêm 5.56% so với kỳ trước và thấp hơn 34.5% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **bằng 0** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** tăng thêm 0.01 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.04 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu chi phí

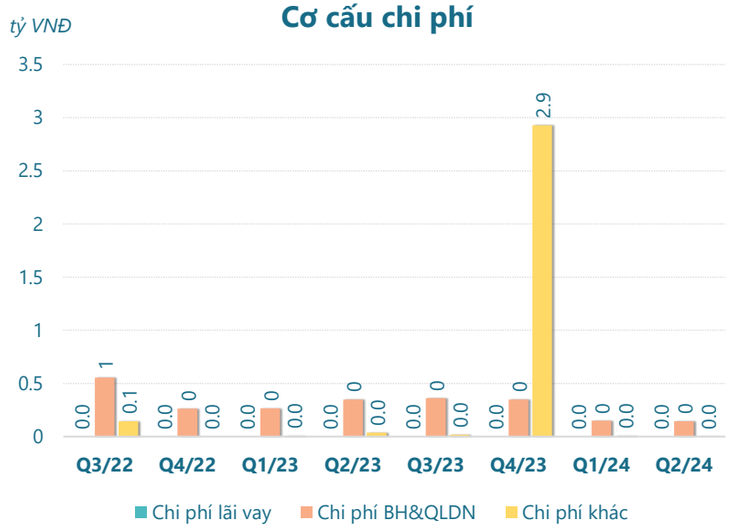

Kết quả kinh doanh của **UNI** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **0.33 tỷ đồng** giảm đi **52.9%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.15 tỷ đồng**, **giảm sút 25.0%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **1.00 tỷ đồng** bằng so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế bằng 0 bằng so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận

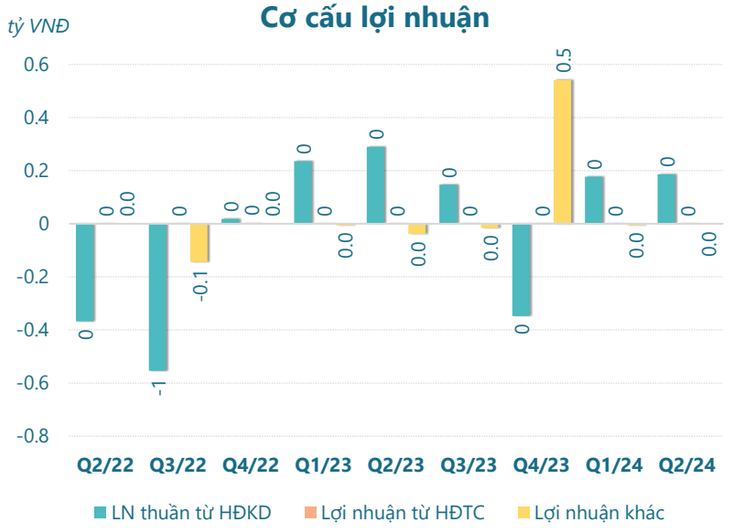

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **0.14 tỷ đồng** giảm đi 6.67% so với kỳ trước và thấp hơn 60.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt (HNX: UNI)

FireAnt
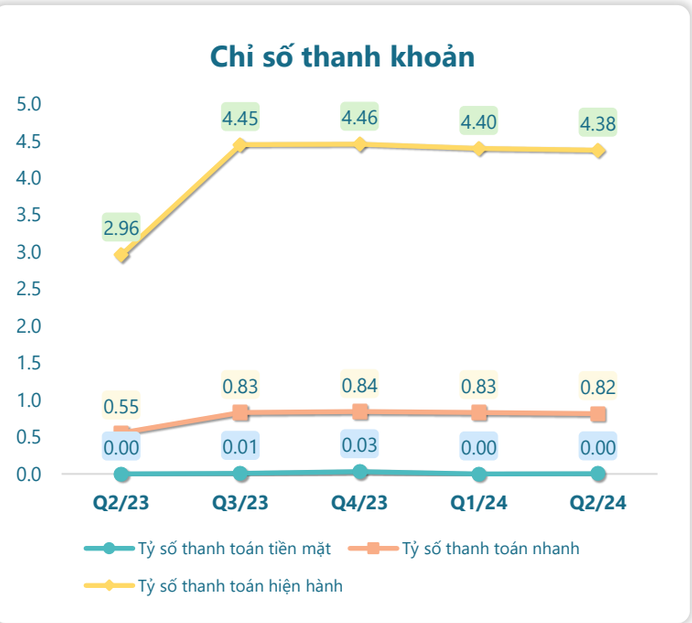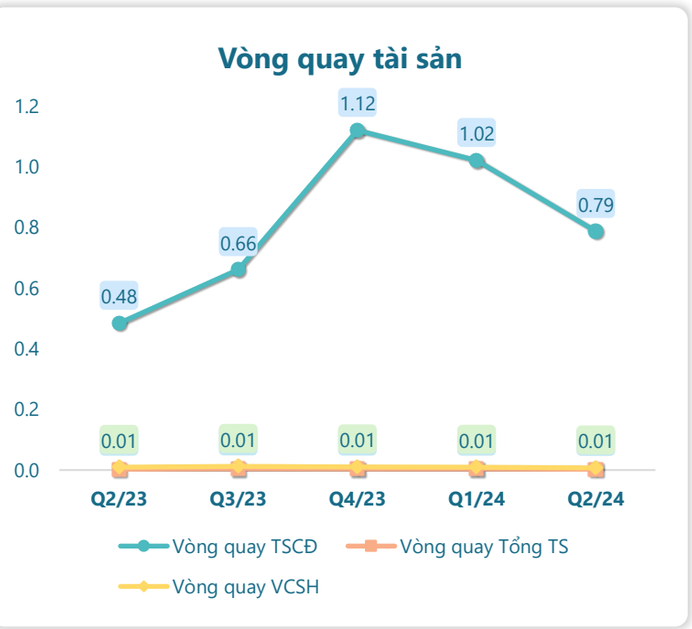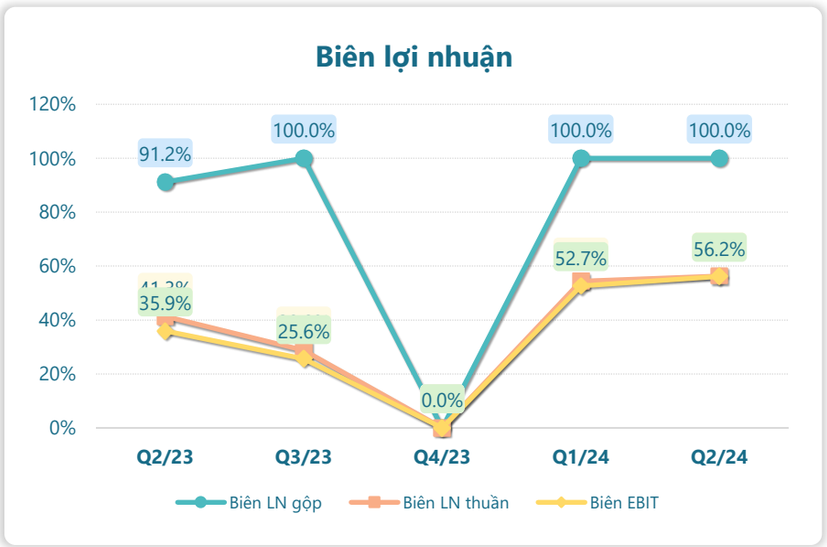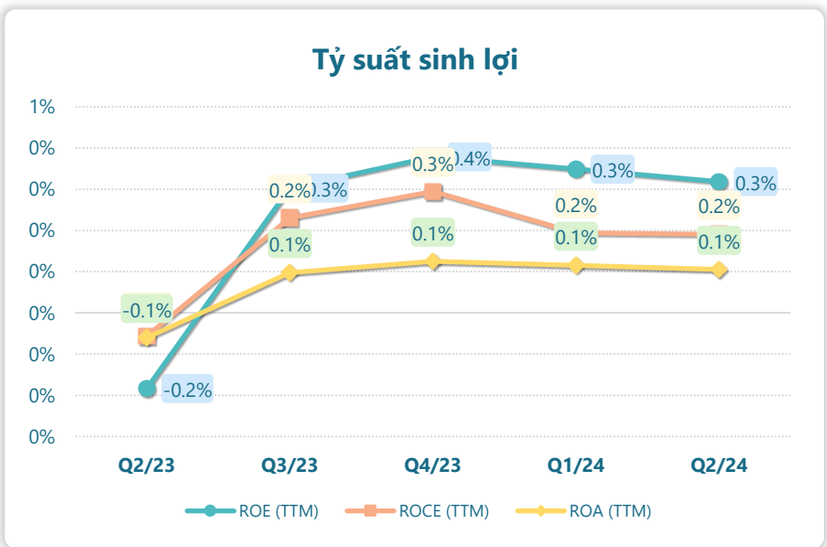
KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.33**	**0.33**	**0.0%**	**0.70**	**-52.9%**	**0.66**	**1.20**	**-45.4%**
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0.06	-100%	0	0.06	-100%
Lợi nhuận gộp	0.33	0.33	0.0%	0.64	-48.4%	0.66	1.14	-42.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00		0.00	0.00	-93.1%
Chi phí TC	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.14**	**0.15**	**-3.9%**	**0.35**	**-58.8%**	**0.29**	**0.61**	**-52.4%**
LN thuần từ HĐKD	0.19	0.18	3.3%	0.29	-35.9%	0.36	0.52	-30.9%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.01**	**95.1%**	**-0.04**	**98.8%**	**-0.01**	**-0.04**	**86.2%**
LN trước thuế	0.19	0.17	9.0%	0.25	-25.9%	0.36	0.48	-25.9%
Lợi nhuận sau thuế	**0.15**	**0.14**	**5.8%**	**0.20**	**-25.9%**	**0.29**	**0.38**	**-24.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.15**	**0.14**	**5.8%**	**0.20**	**-25.9%**	**0.29**	**0.38**	**-24.9%**